

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 22 /2017/QĐ-UBND

Đà Nẵng, ngày 28 tháng 6 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung

tại Bảng giá các loại đất trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

SỞ TƯ PHÁP TP. ĐÀ NẴNG	
ĐIỀU SỬ	Số: 2688
Ngày:	31.7.2017
Chuyển:	
Lưu hồ sơ số:	

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 104/2014/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ quy định về khung giá đất;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

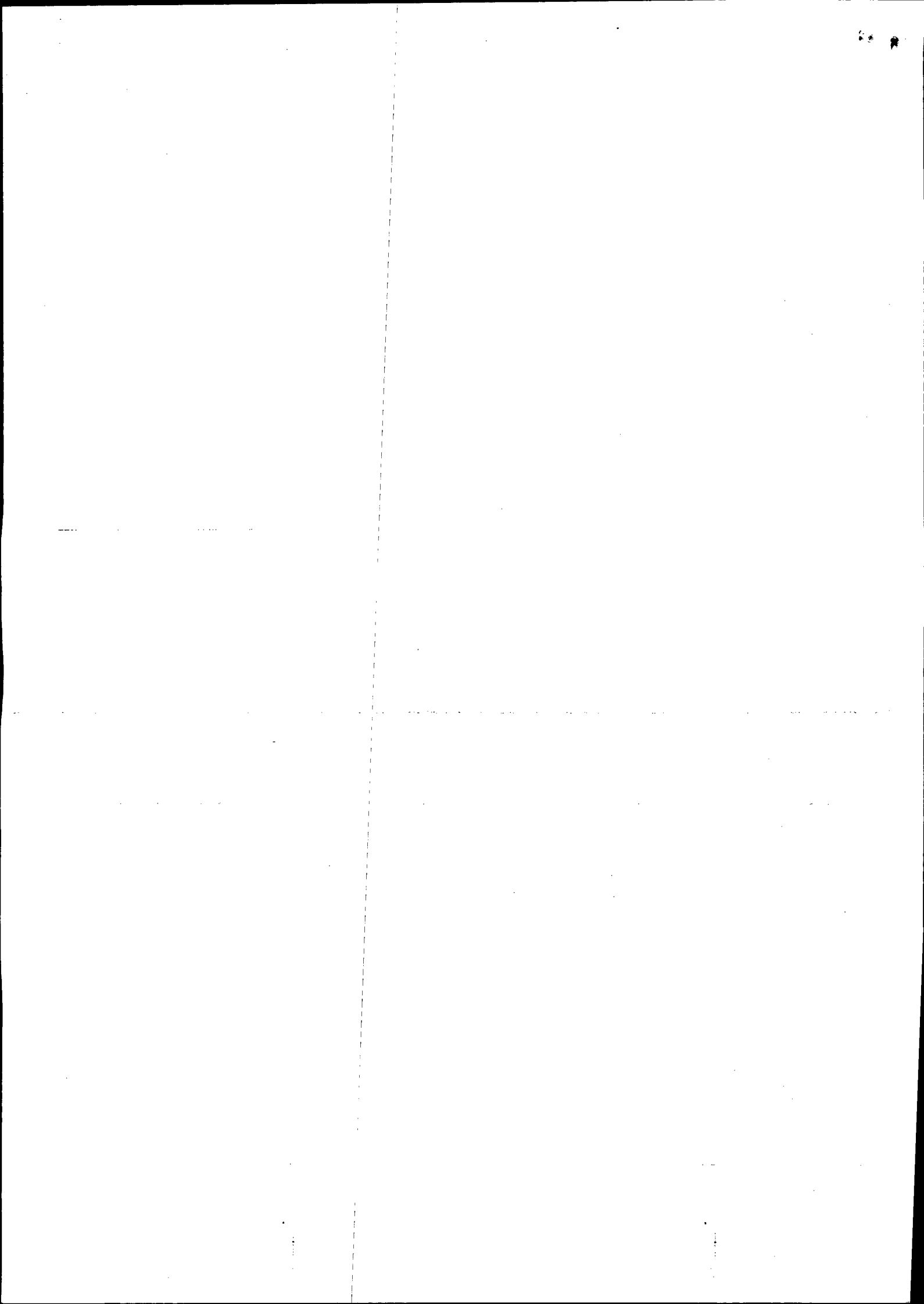
Trên cơ sở ý kiến thống nhất của Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng tại Công văn số 327/HĐND-KTNS ngày 16 tháng 6 năm 2017 về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Bảng giá các loại đất;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 753/TTr-STNMT ngày 27 tháng 6 năm 2017.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Bảng giá đất trên địa bàn thành phố ban hành kèm theo Quyết định số 46/2016/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2016 của UBND thành phố Đà Nẵng, cụ thể như sau:

1. Sửa đổi Khoản 1 Điều 6 của Quy định giá các loại đất trên địa bàn thành phố (ban hành kèm theo Quyết định số 46/2016/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2016 của UBND thành phố Đà Nẵng), như sau:



“1. Giá đất thương mại dịch vụ và giá đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại dịch vụ tại đô thị và nông thôn được quy định như sau:

a) Giá đất thương mại dịch vụ: Giá đất thương mại dịch vụ có thời hạn sử dụng 70 năm bằng 90% giá đất ở cùng vị trí; trường hợp giá đất thương mại dịch vụ thấp hơn giá đất tối thiểu trong khung giá đất được quy định tại Nghị định số 104/2014/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ thì áp dụng như sau:

- Đối với đất thương mại dịch vụ tại đô thị thấp hơn 320.000đồng/m² thì áp dụng giá đất 320.000 đồng/m².

- Đối với đất thương mại dịch vụ tại nông thôn:

+ Trường hợp giá đất thương mại dịch vụ tại xã đồng bằng thấp hơn 32.000đồng/m² thì áp dụng giá đất 32.000 đồng/m²;

+ Trường hợp giá đất thương mại dịch vụ tại xã miền núi thấp hơn 20.000đồng/m² thì áp dụng giá đất 20.000 đồng/m².

b) Giá đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp: Giá đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp (không phải là đất thương mại dịch vụ) có thời hạn sử dụng 70 năm bằng 70% giá đất ở cùng vị trí.

- Trường hợp giá đất sản xuất, kinh doanh tại đô thị thấp hơn 240.000đồng/m² thì áp dụng giá đất 240.000 đồng/m².

- Đối với đất sản xuất, kinh doanh tại nông thôn:

+ Trường hợp giá đất sản xuất, kinh doanh tại xã đồng bằng thấp hơn 24.000đồng/m² thì áp dụng giá đất 24.000 đồng/m²;

+ Trường hợp giá đất sản xuất, kinh doanh tại xã miền núi thấp hơn 15.000đồng/m² thì áp dụng đơn giá 15.000 đồng/m².”

2. Đính chính tên một số tuyến đường tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo Quyết định số 46/2016/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2016 của UBND thành phố Đà Nẵng, như sau:

a) Đính chính tên đường “Hạ Hồi” thành “Hà Hồi” (STT: 584);

b) Đính chính tên đường “Ngô Thời Nhậm” thành “Ngô Thì Nhậm” (STT: 1136);

c) Đính chính tên đường “Phong Bắc 3” thành “Phong Bắc 4” (STT: 1467).

3. Bổ sung một số nội dung về giá đất ở tại Phụ lục 1A, Phụ lục 2A, Phụ lục 3A và Phụ lục 1B ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm chủ trì, tổ chức triển khai, hướng dẫn, kiểm tra và đôn đốc việc thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 7 năm 2017.

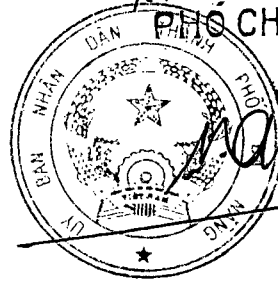
Điều 4. Chánh Văn phòng UBND thành phố; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Xây dựng; Cục trưởng Cục Thuế thành phố; Chủ tịch UBND các quận, huyện; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. ✓

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: TN&MT, TC, XD, TP;
- TVTU, TT HĐND TP;
- Đoàn ĐBQH TPĐN;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL – Bộ Tư pháp;
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND TP;
- Chánh Văn phòng UBND TP;
- Các Phó Chánh Văn phòng UBND TP;
- Sở Tư pháp;
- Cục Thuế TP;
- Các Sở, Ban, Ngành, MTTQ, Đoàn thể TP;
- UBND các quận, huyện, xã phường;
- Chi cục Quản lý đất đai;
- Trung tâm Phát triển quỹ đất TP;
- Công thông tin điện tử thành phố;
- VP UBNDTP: KT;
- Lưu: VT, STNMT(120).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Văn Miên